

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

### **1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

#### **Hình thức sở hữu vốn**

Công ty TNHH Một thành viên Điện lực Đồng Nai (gọi tắt là “Công ty”) là Doanh nghiệp Nhà nước, do Tổng Công ty Điện Lực Miền Nam (gọi tắt là “Tổng Công ty” hoặc “EVN SPC”) sở hữu 100% vốn. Công ty được thành lập theo Quyết định số 32/1999/QĐ-BCN ngày 03 tháng 6 năm 1999 của Bộ Công nghiệp Việt Nam. Công ty đã được chuyển đổi thành Công ty TNHH Một thành viên theo Quyết định số 1309/QĐ-TTg ngày 10 tháng 10 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ, Quyết định giao vốn điều lệ số 488/QĐ-EVN-HĐQT ngày 08 tháng 9 năm 2006 và quyết định số 58/QĐ-HĐTV ngày 22 tháng 7 năm 2022 của Tập đoàn Điện lực Việt Nam (gọi tắt là “Tập đoàn” hoặc “EVN”), Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 3600432744 ngày 05 tháng 7 năm 2007 và các Giấy Chứng nhận điều chỉnh. Vốn điều lệ của Công ty là 1.461 tỷ đồng.

Ngày 05 tháng 02 năm 2010, theo Quyết định số 799/QĐ-BCT của Bộ Công Thương về việc thành lập Tổng Công ty Điện lực Miền Nam trực thuộc Tập đoàn trên cơ sở tổ chức lại Công ty Điện lực 2. Theo đó, Công ty TNHH Một thành viên Điện lực Đồng Nai trở thành công ty con do Tổng Công ty Điện lực Miền Nam sở hữu 100% vốn điều lệ.

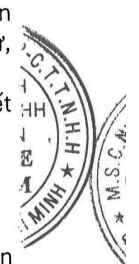
Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 là 2.059 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 2.073 người).

#### **Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Sản xuất, kinh doanh điện năng;
- Kinh doanh các dịch vụ viễn thông công cộng và internet, truyền thông và quảng cáo;
- Xây dựng, cải tạo và quản lý vận hành lưới điện có cấp điện áp đến 110kV;
- Xây lắp, cải tạo các công trình viễn thông;
- Thí nghiệm, hiệu chỉnh thiết bị điện có cấp điện áp đến 110kV;
- Tư vấn đầu tư xây dựng các công trình lưới điện có cấp điện áp đến 110kV, công trình viễn thông và Công nghệ Thông tin, công trình công nghiệp và dân dụng bao gồm: lập dự án đầu tư, quản lý dự án đầu tư, khảo sát xây dựng, thiết kế, thẩm định dự án, giám sát thi công;
- Gia công chế tạo phụ tùng, phụ kiện, thiết bị lưới điện, thiết bị viễn thông, sửa chữa, đại tu thiết bị điện, thiết bị viễn thông;
- Kinh doanh vật tư, thiết bị lưới điện, thiết bị viễn thông;
- Cho thuê văn phòng;
- Đại lý bảo hiểm;
- Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực về quản lý, vận hành, sửa chữa lưới điện, thiết bị viễn thông;
- Thí nghiệm, bảo trì các loại vật tư thiết bị điện, máy biến thế;
- Kiểm tra, hiệu chỉnh các công tơ đo đếm;
- Gia công, chế tạo các loại phụ tùng, phụ kiện thiết bị điện;
- Chế tạo và sửa chữa các máy biến áp;
- Gia công cơ khí;
- Xây lắp các công trình viễn thông, công trình điện công nghiệp và điện dân dụng đến cấp điện áp 110 kV; và
- Vận tải hàng hóa đường bộ.

Hoạt động chính của Công ty là kinh doanh điện năng và vận hành lưới điện phân phối trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.



**Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

**Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính**

Ngày 18 tháng 6 năm 2025, Công ty được chuyển đổi thành Công ty Điện lực Đồng Nai – Chi nhánh Tổng công ty Điện lực miền Nam TNHH theo Quyết định số 124/QĐ-HĐTV, Quyết định số 127/QĐ-HĐTV ngày 16 tháng 5 năm 2025 và Quyết định số 84/QĐ-HĐTV ngày 24 tháng 5 năm 2025 của Hội đồng thành viên Tập đoàn Điện lực Việt Nam. Việc chuyển đổi có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

**Cấu trúc Công ty**

Công ty gồm Cơ quan Công ty, Ban Quản lý dự án lưới điện, Xí nghiệp Lưới điện Cao thế Đồng Nai, Xí nghiệp Dịch vụ Điện lực Đồng Nai, 11 đơn vị thành viên trực thuộc và hai công ty liên kết.

**Đơn vị thành viên trực thuộc**

- Điện lực Biên Hòa
- Điện lực Biên Hòa 2
- Điện lực Long Thành
- Điện lực Định Quán
- Điện lực Thống Nhất
- Điện lực Long Khánh
- Điện lực Xuân Lộc
- Điện lực Trại An
- Điện lực Nhơn Trạch
- Điện lực Cẩm Mỹ (Từ ngày 07 tháng 5 năm 2025 chuyển thành Đội quản lý Điện Cẩm Mỹ)
- Điện lực Trảng Bom

**Công ty liên kết**

Công ty Cổ phần Cơ điện - Điện lực Đồng Nai (gọi tắt là “DNEPC”) được thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 470300618 ngày 29 tháng 12 năm 2008 và các giấy chứng nhận sửa đổi do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp với mức vốn điều lệ là 15 tỷ đồng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty đã góp đủ số vốn cam kết là 6.732.000.000 đồng, nắm giữ 44,88% vốn điều lệ tương ứng với 44,88% quyền biểu quyết. Trụ sở chính của DNEPC đặt tại Số 01, Khu phố 1, đường Nguyễn Ái Quốc, Phường Tam Hiệp, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế và Xây lắp Điện (gọi tắt là “PECJC”) được thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 3600781512 ngày 10 tháng 01 năm 2006 và các giấy chứng nhận sửa đổi do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp với mức vốn điều lệ là 7,5 tỷ đồng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và 31 tháng 12 năm 2022, Công ty đã góp số vốn cam kết là 2.160.000.000 đồng, nắm giữ 28,8% vốn điều lệ tương ứng với 28,8% quyền biểu quyết. Trụ sở chính của PECJC đặt tại Số 129C Huỳnh Văn Nghệ, Khu phố 5, Phường Trấn Biên, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

**Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính**

Số liệu so sánh trên bảng cân đối kế toán và các thuyết minh tương ứng là số liệu tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được kiểm toán.

Số liệu so sánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và các thuyết minh tương ứng là số liệu cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 chưa được kiểm toán.



## **2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN**

### **Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (“VND”), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chế độ kế toán của Tập đoàn Điện lực Việt Nam được lập trên cơ sở các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp báo cáo của Văn phòng Công ty và tất cả các chi nhánh của Công ty. Các giao dịch và số dư nội bộ giữa Văn phòng Công ty và các chi nhánh được loại trừ toàn bộ khi lập báo cáo này.

### **Năm tài chính và kỳ kế toán**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Báo cáo tài chính này của Công ty được lập cho kỳ hoạt từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 đến ngày 30 tháng 6 năm 2025.

## **3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

### **Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính phù hợp với Chế độ kế toán của Tập đoàn Điện lực Việt Nam được lập trên cơ sở các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

### **Đầu tư vào công ty liên kết**

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Công ty ghi nhận ban đầu các khoản đầu tư vào công ty liên kết theo giá gốc bao gồm giá trị vốn và các chi phí liên quan trực tiếp đến khoản đầu tư. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá đầu tư (nếu có). Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư được thực hiện khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong kỳ, Công ty đã thay đổi phương pháp kế toán đối với các khoản đầu tư vào công ty liên kết, từ phương pháp vốn chủ sở hữu sang phương pháp giá gốc, nhằm phục vụ việc sáp nhập thành chi nhánh trực thuộc Tổng Công ty Điện lực miền Nam. Do thay đổi này, Công ty đã điều chỉnh giảm phần lợi nhuận sau thuế lũy kế đã ghi nhận từ các kỳ trước liên quan đến các khoản đầu tư vào công ty liên kết, đồng thời giảm tương ứng giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này.

### **Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, tiền đang chuyển, các khoản đầu tư ngắn hạn (không quá 3 tháng) có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

### **Các khoản đầu tư tài chính**

#### ***Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

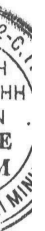
### **Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

### **Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền đối với hàng tồn kho xuất dùng phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh và thực tế đích danh đối với hàng tồn kho sử dụng cho hoạt động xây dựng cơ bản. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.



Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ hoạt động.

#### **Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hữu hình hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính. Giá trị tạm tính được xác định theo giá trị thực hiện đầu tư nếu tập hợp đủ chi phí vào giá thành công trình, theo dự toán được duyệt hoặc theo giá trị của những tài sản tương đương. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với các quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Một số tài sản cố định theo các quy định cụ thể của Tập đoàn và được phép của Bộ Tài chính có tỷ lệ khấu hao khác với tỷ lệ khấu hao theo quy định cho phù hợp với đặc thù của ngành điện. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 25
Máy móc, thiết bị	8 – 20
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	10 – 30
Thiết bị văn phòng	5 – 10
Tài sản cố định hữu hình khác	3 – 8

Các tài sản cố định hữu hình được đánh giá lại khi có quyết định của Nhà nước. Nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được điều chỉnh theo kết quả đánh giá lại đã được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định. Thực hiện theo hướng dẫn của Tập đoàn Điện lực Việt Nam liên quan đến việc xác định thời gian sử dụng còn lại của các tài sản cố định đã được đánh giá lại tại ngày 01 tháng 7 năm 2011, Công ty đã thực hiện ước tính thời gian sử dụng còn lại và trích khấu hao trên cơ sở giá trị còn lại và thời gian sử dụng còn lại ước tính.

Đối với các tài sản cố định mà Công ty nhận bàn giao theo chủ trương tiếp nhận lưới điện hạ áp nông thôn, giá trị tài sản cố định được xác định theo quy định của liên Bộ Tài chính và Bộ Công Thương về hướng dẫn giao, nhận và hoàn trả vốn đầu tư lưới điện hạ áp nông thôn.

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

#### **Thuê tài sản**

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

### **Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình bao gồm giá trị quyền sử dụng đất (kể cả các chi phí bỏ ra để có được quyền sử dụng đất) và các phần mềm máy tính. Các phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ 05 đến 20 năm.

### **Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang là giá trị các công trình đầu tư xây dựng và sửa chữa lớn dở dang tại các đơn vị thành viên. Giá trị các công trình này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với Chế độ kế toán của Tập đoàn Điện lực Việt Nam được lập trên cơ sở các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định hoặc chi phí trong năm theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng về giá trị các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

### **Các khoản trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm khoản chi phí thuê cơ sở hạ tầng, công tơ điện, công cụ dụng cụ xuất dùng và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác.

Chi phí thuê cơ sở hạ tầng thể hiện số tiền thuê đất, thuê văn phòng và kho bãi đã được trả trước. Tiền thuê cơ sở hạ tầng trả trước được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Công tơ điện được phân bổ không quá 05 năm theo quy định tại Nghị định số 10/2017/NĐ-CP do Thủ tướng Chính phủ ban hành ngày 09 tháng 02 năm 2017 về Quy chế Quản lý Tài chính của Tập đoàn Điện lực Việt Nam (“Nghị định số 10”).

Các công cụ, dụng cụ xuất dùng khác được phân bổ trong thời gian không quá 36 tháng bắt đầu từ tháng phát sinh.

### **Các khoản dự phòng phải trả**

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

### **Vốn góp chủ sở hữu và các quỹ**

Vốn góp của chủ sở hữu Công ty bao gồm:

- Nguồn vốn do Ngân sách Nhà nước cấp;
- Nguồn vốn tự bổ sung từ lợi nhuận kinh doanh được để lại;
- Nguồn vốn từ nhận chuyển giao công trình điện là tài sản công theo Nghị định số 02/2024/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 10 tháng 01 năm 2024; và
- Các nguồn vốn khác.

Các quỹ của Công ty được trích lập và sử dụng theo các quy định hiện hành đối với công ty Nhà nước theo Nghị định số 10.

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu được ghi nhận tại Công ty là tổng hợp doanh thu bán điện và doanh thu các hoạt động khác của tất cả các Công ty Điện lực huyện. Doanh thu được ghi nhận cụ thể như sau:

- Doanh thu bán điện: được xác định và ghi nhận dựa trên sản lượng điện cung cấp (xác định theo chỉ số trên công tơ điện) và giá bán điện đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.
- Doanh thu xây lắp: được ghi nhận khi công trình hoàn thành bàn giao, lập biên bản nghiệm thu khối lượng hoặc biên bản nghiệm thu từng giai đoạn và quyết toán giá trị.
- Doanh thu mắc dây đặt điện: được ghi nhận khi công trình hoàn thành và nghiệm thu đưa vào sử dụng.
- Doanh thu tư vấn, thiết kế: được ghi nhận khi có biên bản nghiệm thu khối lượng công việc hoàn thành và quyết toán giá trị.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

**Ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Đối với các khoản công nợ có gốc ngoại tệ (không bao gồm các khoản công nợ nội bộ có gốc ngoại tệ), số dư ngoại tệ cuối năm được đánh giá lại theo tỷ giá ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Đối với các khoản công nợ nội bộ có gốc ngoại tệ của các đơn vị thành viên và trực thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam, theo hướng dẫn lập báo cáo tài chính tại thời điểm 30 tháng 6 năm 2025 phục vụ cho công tác sáp nhập tại Công văn số 5621/EVN-TCKT ngày 16 tháng 6 năm 2025, số dư ngoại tệ cuối năm được đánh giá lại theo tỷ giá bán ra (bảng chuyển khoản) của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam công bố tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

#### Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

#### Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập tính thuế trong năm. Thu nhập tính thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập tính thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không tính thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

#### 4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Tiền mặt	132.504.000	69.507.000
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	189.027.846.004	11.519.967.819
Tương đương tiền	-	302.225.000.000
	<b>189.160.350.004</b>	<b>313.814.474.819</b>

#### 5. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng thương mại với kỳ hạn gốc từ 6 đến 12 tháng, đáo hạn trong vòng 12 tháng kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán và hưởng lãi suất hàng năm từ 2,9% đến 5,5%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: từ 2,9% đến 5,5%/năm).

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Nhà và Đô thị IDICO	86.023.829.917	92.476.106.153
Công ty Cổ phần Đầu tư điện Tín Phát	31.909.943.426	1.166.038.805
Công ty TNHH Điện lực Amata	22.418.125.641	20.407.014.760
Các đối tượng khác	1.116.244.293.592	956.861.700.108
	<b>1.256.596.192.576</b>	<b>1.070.910.859.826</b>

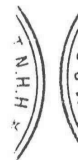
7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Công ty TNHH Cung ứng Vật tư Khoa học Kỹ thuật và Chuyển giao Công nghệ	17.661.264.780	-
Công ty Cổ phần Sản xuất máy biến áp truyền tải MEE	-	8.838.600.000
Các đối tượng khác	31.491.431.114	30.637.110.218
	<b>49.152.695.894</b>	<b>39.475.710.218</b>

8. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
<b>a. Ngắn hạn</b>		
- Thu hộ tiền điện	32.496.155.790	31.880.437.690
- Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn	7.582.191.781	14.921.988.000
- Phải thu các bên liên quan khác (Thuyết minh số 35)	1.977.495.700	646.355.868
- Phải thu người lao động	958.685.501	1.094.056.247
- Hỗ trợ lãi suất cho vay đầu tư lưới điện nông thôn	-	345.884.500
- Phải thu khác	4.327.262.213	6.251.449.660
	<b>47.341.790.985</b>	<b>55.140.171.965</b>
<b>b. Dài hạn</b>		
- Phải thu nhận bồi thường (*)	8.404.830.033	8.404.830.033
- Ký cược, ký quỹ	3.000.000	3.000.000
	<b>8.407.830.033</b>	<b>8.407.830.033</b>

(\*) Phải thu nhận bồi thường thể hiện chênh lệch giữa số tiền thực thu nhân viên so với số tiền đã nộp về quỹ tiền mặt và nộp vào tài khoản tiền gửi ngân hàng liên quan đến thu tiền điện tại Điện lực Biên Hòa từ các năm trước. Tại ngày 24 tháng 3 năm 2018, tòa sơ thẩm đã tuyên án bị cáo phải hoàn trả lại số tiền còn nợ là 8.655.423.447 đồng. Sau đó, tại ngày 26 tháng 4 năm 2019, tòa phúc thẩm đã tuyên án bị cáo phải hoàn trả lại số tiền là 8.410.427.623 đồng (sau khi khấu trừ 237.782.824 đồng tiền lương và 7.213.000 đồng tiền cổ tức tại công ty liên kết). Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 và ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty đã trích lập 100% dự phòng phải thu dài hạn khó đòi cho số tiền nêu trên.



9. HÀNG TỒN KHO

	<u>Số cuối kỳ</u> VND	<u>Số đầu kỳ</u> VND
<b>a. Ngắn hạn</b>		
- Nguyên liệu, vật liệu	222.413.509.273	109.355.770.019
- Công cụ, dụng cụ	59.159.318.875	7.047.942.316
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	43.128.361	435.401.004
	<b><u>281.615.956.509</u></b>	<b><u>116.839.113.339</u></b>
<b>b. Dài hạn</b>		
- Thiết bị, vật tư phụ tùng thay thế	4.274.936.238	3.606.511.596
	<b><u>4.274.936.238</u></b>	<b><u>3.606.511.596</u></b>

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	<u>Số cuối kỳ</u> VND	<u>Số đầu kỳ</u> VND
<b>a. Ngắn hạn</b>		
- Chi phí mua bảo hiểm và các loại lệ phí	1.702.011.687	460.703.568
- Chi phí trả trước khác	1.257.906.302	1.991.720.128
	<b><u>2.959.917.989</u></b>	<b><u>2.452.423.696</u></b>
<b>b. Dài hạn</b>		
- Công tơ điện	269.453.942.464	260.788.676.960
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng khác	55.287.108.102	59.379.946.617
- Chi phí mua bảo hiểm và các loại lệ phí	25.645.721	28.843.999
- Chi phí trả trước khác	816.375.159	41.189.299
	<b><u>325.583.071.446</u></b>	<b><u>320.238.656.875</u></b>

TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN NAM  
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN ĐIỆN LỰC ĐỒNG NAI  
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-DN

11. TẶNG, GIẢM TÀI SẢN CỔ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản cố định hữu hình khác VND	Tổng VND
<b>NGUYỄN GIÁ</b>						
Số dư đầu năm	185.850.623.211	3.777.547.506.443	5.521.995.315.981	169.730.751.119	5.461.469.718	9.660.585.666.472
<b>Tăng trong năm</b>	14.176.137.283	237.446.260.938	473.486.559.121	9.895.775.491	-	735.004.732.833
- Xây dựng cơ bản tạm bàn giao	14.176.137.283	209.014.038.136	254.783.778.907	6.637.531.685	-	484.611.486.011
- Mua sắm mới	-	4.748.738.179	-	3.258.243.806	-	8.006.981.985
- Nhận bàn giao từ bên ngoài Tập đoàn	-	7.443.197.608	63.609.417.351	-	-	71.052.614.959
- Phân loại lại	-	15.134.446.912	147.623.481.198	-	-	162.757.928.110
- Điều chỉnh tăng theo quyết toán	-	-	5.676.624.019	-	-	5.676.624.019
- Tăng khác	-	1.105.840.103	1.793.257.646	-	-	2.899.097.749
<b>Giảm trong năm</b>	(1.060.915.688)	(10.205.904.271)	(194.465.896.109)	(153.215.908)	-	(205.885.931.976)
- Thanh lý, nhượng bán	-	(9.744.357.260)	-	(153.215.908)	-	(9.897.573.168)
- Phân loại lại	-	-	(162.757.928.110)	-	-	(162.757.928.110)
- Điều chỉnh giảm theo quyết toán	-	-	(4.166.186.180)	-	-	(4.166.186.180)
- Điều chỉnh giảm sau cải tạo, nâng cấp	-	-	(15.493.322.810)	-	-	(15.493.322.810)
- Giảm khác	(1.060.915.688)	(461.547.011)	(12.048.459.009)	-	-	(13.570.921.708)
<b>Số dư cuối năm</b>	198.965.844.806	4.004.787.863.110	5.801.015.978.993	179.473.310.702	5.461.469.718	10.189.704.467.329

Trong đó:

- Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	36.877.379.784	1.602.935.703.553	2.186.601.470.116	100.750.989.201	5.023.793.490	3.932.189.336.144
- Chờ thanh lý	-	14.222.510.121	426.970.402	859.322.621	-	15.508.803.144



Thực hiện Quyết định số 352/QĐ-TTg ngày 10 tháng 3 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc thí điểm kiểm kê và đánh giá lại tài sản và vốn của một số doanh nghiệp do Nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ tại thời điểm 0h ngày 01 tháng 7 năm 2011, Tổng Công ty Điện lực Miền Nam (“EVN SPC”) đã thuê một công ty độc lập có chức năng định giá để đánh giá lại tài sản của Công ty tại ngày này. Theo kết quả đánh giá lại, giá trị tài sản cố định hữu hình của Công ty được đánh giá lại tại ngày 01 tháng 7 năm 2011 tăng thêm so với giá trị sổ sách tại ngày này với số tiền là khoảng 352 tỷ đồng. Theo đó, Thủ tướng Chính phủ có Công văn số 15/TTg-KTTH ngày 05 tháng 01 năm 2013 về việc bổ sung vốn và trích khấu hao cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam (“EVN”) và Bộ Tài chính có Công văn số 566/BTC-CĐKT ngày 11 tháng 01 năm 2013 đồng ý cho EVN và các đơn vị trực thuộc EVN được hạch toán điều chỉnh lại nguyên giá và giá trị khấu hao lũy kế của tài sản cố định hữu hình theo kết quả kiểm kê, đánh giá lại đã được phê duyệt vào báo cáo tài chính năm 2012, thời điểm điều chỉnh sổ sách là tại ngày 31 tháng 12 năm 2012. Tiếp theo, EVN đã có Công văn số 227/EVN-TCKT ngày 15 tháng 01 năm 2013 và EVN SPC đã có quyết định số 1233/QĐ-BTC ngày 04 tháng 3 năm 2013 về việc thực hiện hạch toán điều chỉnh theo kết quả kiểm kê, đánh giá lại tài sản và vốn đã được phê duyệt. Trên cơ sở hướng dẫn của EVN và EVN SPC, Công ty đã điều chỉnh tăng nguyên giá của tài sản cố định hữu hình và tăng giá trị khấu hao lũy kế theo kết quả đánh giá lại tại ngày 01 tháng 7 năm 2011 với giá trị lần lượt khoảng 1.050 tỷ đồng và 698 tỷ đồng.

**12. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	<u>Quyền sử dụng đất</u> VND	<u>Bản quyền, bằng sáng chế</u> VND	<u>Phần mềm máy tính</u> VND	<u>Tổng</u> VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>				
Số dư đầu kỳ	700.941.750	-	34.194.089.338	34.895.031.088
Tăng trong năm	-	263.078.000	64.867.739	327.945.739
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>700.941.750</b>	<b>263.078.000</b>	<b>34.258.957.077</b>	<b>35.222.976.827</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>				
Số dư đầu kỳ	441.256.846	-	17.199.605.566	17.640.862.412
Khấu hao trong năm	57.908.160	11.668.779	1.626.466.357	1.696.043.296
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>499.165.006</b>	<b>11.668.779</b>	<b>18.826.071.923</b>	<b>19.336.905.708</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>				
Tại ngày đầu kỳ	259.684.904	-	16.994.483.772	17.254.168.676
Tại ngày cuối kỳ	201.776.744	251.409.221	15.432.885.154	15.886.071.119

Nguyên giá của tài sản vô hình bao gồm các tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 3.614.676.994 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 3.614.676.994 đồng).

**13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	<u>Số cuối kỳ</u> VND	<u>Số đầu kỳ</u> VND
Mua sắm Tài sản cố định	-	6.394.800
Xây dựng cơ bản dở dang (*)	65.252.743.018	79.755.164.587
Trong đó:		
- Chi phí xây dựng liên quan đến lưới điện 110kV	48.081.193.484	33.426.246.133
- Các công trình khác trên địa bàn tỉnh Đồng Nai	17.171.549.534	46.328.918.454
Công trình sửa chữa lớn	10.746.534.064	609.939.534
	<b>75.999.277.082</b>	<b>80.371.498.921</b>

(\*) Chi phí đầu tư xây dựng bao gồm các chi phí vật tư, thiết bị, chi phí khảo sát thiết kế, chi phí thi công của nhà thầu, chi phí ban quản lý dự án liên quan đến các công trình đầu tư hạ tầng, trạm biến áp, đường dây điện, và các chi phí khác của Công ty.

